

CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Tìm hướng giải quyết cho việc cải cách giáo dục trong cơ chế thị trường

Nguyễn-Đặng Hưng,
Giáo sư trưởng, trường ĐH Liège, Bỉ, E-mail: H.NguyenDang@ulg.ac.be
Chủ nhiệm các chương trình Cao học Bi&Việt tại ĐHBK Tp HCM và Hà Nội

Tóm tắt

Trong bài này, tôi sẽ đề cập những bước đột phá trong việc cải cách hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm ba điểm sau đây,

- 1. Đổi mới tư duy về giáo dục...*
- 2. Vì sự chênh hướng kéo dài hàng mấy thập kỷ, cần có quyết tâm, thời gian và lộ trình trong việc cải tổ, tuy nhiên có những việc cấp bách cần làm ngay...*
- 3. Đây là hướng giải quyết sau khi chấp nhận cơ chế thị trường cho nền giáo dục ?*

Đây là những ý kiến, những kinh nghiệm cá nhân đã được tích lũy sau 15 năm lăn lộn với Giáo dục và Đào tạo tại Việt Nam.

1. Nội dung cần thiết của đổi mới tư duy

1.1 Lãnh đạo và quản lý tốt phải đồng nghĩa với phục vụ tốt.

Đổi mới tư duy theo tôi trước hết là đoạn tuyệt với lề lối tập trung quan liêu, nói nôm na là thói quen ôm đồm, bao biện, cái gì cũng muốn nắm, cái gì cũng muốn quản lý mà không có khả năng, không có tài lực, không có phương pháp, gây trì trệ, những nhiễu cho nền giáo dục quốc dân... Lãnh đạo và quản lý tốt phải đồng nghĩa với phục vụ tốt. Phục vụ muốn có hiệu quả thì phải mở cơ chế cho thật thoáng để tăng cường khả năng phục vụ. Đây là nguyên tắc làm việc của các nước tiên tiến có trình độ phát triển cao.

1.2 Cần nhanh chóng trao quyền tự quản cho các trường đại học

Chẳng hạn, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cần nhanh chóng trao quyền tự quản cho các trường đại học, bắt đầu bằng những trường trọng điểm, những trường lớn. Quyền tự quản này bao gồm quyền tuyển sinh, cấp bằng, quản lý và bổ nhiệm nhân sự, tổ chức và kế hoạch việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học... Bộ chỉ dừng lại ở quản lý khung : ngân sách (phần nhà nước rót về trường như thế dĩ nhiên gián tiếp chi phối việc bổ nhiệm nhân sự), học trình quốc gia (bất cứ trường nào cũng phải tuân thủ chương trình học do bộ đề ra), chế độ (mức lương tối thiểu, chức danh, học hàm, tài trợ những hướng phát triển trọng điểm, cho bổng học sinh nghèo, hỗ trợ học sinh vùng sâu vùng xa...), thanh tra giám sát, hiệp thương hợp tác quốc tế trên bình diện vĩ mô, vân vân...

Chẳng hạn Bộ GD&ĐT cần giao lại việc xuất bản sách giáo khoa cho một cơ quan khác độc lập với Bộ (Tổng cục xuất bản sách giáo khoa ?). Bộ chỉ giữ lại vai trò giám sát.

1.3. Trở về thực học để đào tạo người có thực tài

Tư duy giáo dục hiện nay chạy theo thành tích, theo con số, theo hư danh. Chính tư duy có "tính phong trào" này đã dẫn đến tâm lý sinh đại học, coi thường cao đẳng, sinh bằng cấp. Mấy năm gần đây tại các đại học, các viện nghiên cứu lại đào tạo tràn lan, ông thạc sĩ này ông tiến sĩ nọ có danh nhưng không có thực chất. Đào tạo cán bộ giảng dạy cao cấp mà không cẩn thận thì sẽ có tác hại lâu dài đến hàng chục thế hệ.

Ta phải trở về thực học để đào tạo người có thực tài. Ta phải trở về với quan điểm truyền thống của dân tộc Việt : *Nhất nghệ tinh nhất thân vinh*. Bởi vì người có bằng tiến sĩ chưa chắc đã là người có thực tài! Có nhiều tiến sĩ hiện nay tuy được đào tạo bài bản nhưng lại phải đang “hành nghề khác”, hay không nghiên cứu thêm, chỉ làm quản lý. Như vậy thì rất phí phạm vì chẳng đóng góp được gì cho khoa học, cho giáo dục. Cũng có những tiến sĩ chỉ nghiên cứu mà không tham gia giáo dục đào tạo thì những gì mình nghiên cứu được cũng sẽ bị lãng phí.

1.4 Cần phân luồng, phân tầng trong việc tổ chức giáo dục

Ở đây tôi tâm đắc với ý kiến là cần phân luồng, phân tầng trong việc học. Và việc này cần bắt đầu từ trung học. Tôi thấy tại Việt Nam còn quá ít các trường cao đẳng, trường chuyên nghề, đặc biệt các trường kỹ thuật công nghệ với thời gian đào tạo ngắn hạn. Tôi biết hiện nay tâm lý phụ huynh là coi thường cao đẳng. Nhưng tâm lý này sẽ khắc phục không khó nếu các trường cao đẳng gắn bó với các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, có cơ chế liên thông rõ ràng minh bạch, nếu các trường tầm tiếng có quyết tâm tham gia thực hiện cơ chế này. Phụ huynh nào lại chả muốn con mình nhanh chóng có việc làm giúp kinh tế gia đình, nếu con em mình sau vài năm cao đẳng, năng khiếu được lộ rõ qua kết quả cụ thể, được xét tuyển vào các trường lớn để đi xa hơn.

1.5 Nên mềm đầu vào và cứng đầu ra

Tôi cũng đồng ý với ý kiến là các trường đại học nên mềm đầu vào và cứng đầu ra, không tổ chức đào tạo như cái ống, mà đào tạo theo hình chóp.

Tại các nước phương Tây họ áp dụng nguyên tắc chủ đạo sau đây.
"Chỉ cấp bằng cho những người đạt trình độ". Họ quan niệm là cấp bằng cho người không đạt trình độ là chẳng những giúp tay làm hư hại xã hội mà trước tiên làm hư hại chính người được cấp bằng. Bởi vậy thông thường đầu vào thì đông nhưng đầu ra thì không nhiều. Học viên hai năm đầu bị đánh rớt rất đông, cầm thi lại quá bốn lần. Như vậy, các em có điều kiện nhanh chóng đổi ngành, chuyên qua cao đẳng, cho phù hợp với năng khiếu của mình, không mất thời gian gây hao tổn cho xã hội và gia đình.

Quan điểm này có hệ luận là không cần phải tổ chức thi tuyển đại học nặng nề gây bất bình trong xã hội như hiện nay tại Việt Nam mà chỉ cần xét tuyển nhẹ nhàng qua quá trình học vấn cấp tú tài. Nếu cần xác định rõ hơn về trình độ thì nên tổ chức phỏng vấn trực tiếp để loại bỏ những học viên có hồ sơ với độ tin cậy thấp.

Hệ luận này kéo theo một hệ luận khác là phải tổ chức lại một cách nghiêm chỉnh hơn các kỳ thi tú tài ở trung học. Thi tú tài là xác định trình độ năng khiếu bậc trung học của học sinh. Việc xác định này cần được tổ chức chu đáo và đồng khắp trong đó tính khách quan và công bình phải được đảm bảo... Phải xóa bỏ tận gốc thói quen mà tôi hay bắt gặp tại Việt Nam: Ai cũng xuất sắc, ai cũng tiên tiến, ai cũng 10/10. Thói quen này có lẽ phát xuất từ chỗ thiếu tự tin, ngại chịu trách nhiệm, không dám đánh rớt. Báo chí trong nước đã bao lần báo động việc này mà tôi chưa thấy biện pháp cụ thể khắc phục!

1.6 Lẫn lộn giữa giáo dục và tuyên truyền thì ta không chóng thì chầy sẽ đi đến ngõ cụt của tri thức, đến tụt hậu của tư duy.

Trong quá khứ, ta hay nói đến giáo dục tuyên truyền. Trong thời kháng chiến thì điều này là phù hợp, chính xác. Bởi buổi ấy đất nước còn bị trị, thành phần có ý thức trong các tổ chức cách mạng chỉ là thiểu số. Vấn đề giáo dục và tuyên truyền cho quần chúng theo đúng đường lối, lý tưởng cách mạng, để huy động đông đảo quần chúng nhân dân tham gia cách mạng, đi kháng chiến cứu nước cứu nhà là yêu cầu hiển nhiên, là tối cần thiết vì đây là sinh mệnh của dân tộc. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn hội nhập, nếu ta tiếp tục có tư duy lẫn lộn giữa giáo dục và tuyên truyền thì ta không chóng thì chầy sẽ đi đến ngõ cụt của tri thức, đến tụt hậu của tư duy.

Bởi vì tuyên truyền, mang tính tình thế, là hướng đối tượng đi theo đường lối, chính sách của ta. Còn giáo dục đúng nghĩa mang tính nhân văn, lâu dài và phổ quát, lấy con người làm gốc, là phải làm sao tạo điều kiện để đối tượng có hiểu biết để họ hành sự như một thể độc lập, đủ khả năng thích ứng với sự thay đổi vô cùng của bối cảnh, của cuộc sống, của sự việc. Đó là điều tất yếu của cuộc cạnh tranh sinh tồn trong xu thế hòa nhập.

Giáo dục ở các nước tiên tiến luôn luôn đòi hỏi khả năng trao đổi, thảo luận, tinh thần phê phán phân biệt. Bởi vì phải như thể học viên mới có óc sáng tạo, tự mình phát hiện cái mới, cái hay rồi hành xử theo điều kiện cụ thể. Không độc lập trong suy nghĩ thì không cách gì cải tiến công việc, cải tạo cuộc sống, điều kiện của mọi phát triển bền vững.

Cho nên các nước phát triển, họ rất tối kỵ và không bao giờ dùng từ tuyên truyền đi đôi với từ giáo dục.

Tóm lại đối mới tư duy trong giáo dục đào tạo, trước hết xoá bỏ mọi áp đặt, tuyên truyền, nhồi nhét, là làm thế nào để con em chúng ta có thể hấp thụ bài học một cách tự nhiên, tươi tắn, thoải mái. Các em phải hiểu, phải tiêu hoá được giáo trình, phải yêu thích nội dung, hình thức, tâm phục khẩu phục. Bài học phải linh động, khoa học, đi sát với cuộc sống muôn màu muôn vẻ. Có như thế các em mới có thể tự tin, tự khám phá, tự vận dụng sáng tạo ra những sản phẩm mới, vươn lên gánh vác sự nghiệp xây dựng đất nước, tranh đua với các dân tộc khác, hiện nay đang đi trước vì có nhiều may mắn hơn chúng ta.

Các nước tiên tiến, đặc biệt là ở Âu châu, đã làm được điều này, do vậy mà họ rất phát triển. Tại Việt Nam tôi có cảm tưởng tình trạng nhồi nhét kiến thức đã đem đến hậu quả bất ngờ, những phản ứng ngược.

Qua kinh nghiệm phỏng vấn 10 khóa tại TP HCM và 6 khoá tại Hà Nội, tôi thấy phần lớn các em đã tốt nghiệp kỹ sư, nhiều em ra trường 3, 4 năm rồi nhưng lại biết rất ít về lịch sử dân tộc, ngay cả danh nhân của tỉnh mình, làng mình họ cũng không để ý tới. Có em bảo với tôi là Trần Hưng Đạo đã chiến thắng quân Minh, Lê Lợi đã đại thắng quân Thanh, Nguyễn Huệ đã phá tan quân Mông Cổ !!! Ngay cả lịch sử hai cuộc kháng chiến gần đây họ cũng rất lơ mơ. Tôi buồn quá nên đã có lần hỏi tại sao như thế? Khi các em không biết về lịch sử của chính dân tộc mình thì làm sao các em có thể làm tròn bổn phận của một công dân? Các em ấy đã trả lời thế này: *"Thầy ơi, chương trình học vẫn hiện nay quá tải, nhiều giáo trình áp đặt, nhồi nhét chán quá, tụi em học trả bài cho qua, học xong là quên hết"*. Đó chính là phản ứng ngược. Và khi tuổi trẻ có phản ứng ngược như vậy là họ đã mất lòng tin, mất hứng thú trong việc học.

Và những tệ nạn, sao chép, gian dối đang hoành hành trong các kỳ thi tuyển sinh đại học có lẽ đã bắt nguồn từ đây.

Ta đang trả giá cho những chọn lựa sai lầm trong các quốc sách về giáo dục và đào tạo, bắt đầu đã gần hai thập kỷ qua !

Một kinh nghiệm khác cũng cần nhắc đến ở đây.

Có lần một công ty phần mềm tính toán thiết kế cơ học hàng không ở Bỉ có nhờ chúng tôi giúp đỡ để chuẩn bị mở một công ty tương tự tại Việt Nam. Đã thuê phòng ốc tại TP HCM, đã đến giai đoạn gọi cộng tác viên sang Bỉ thực tập. Sau khi thẩm tra, họ quyết định không mở. Vì sao? Một trong những lý do là vì các kỹ sư Việt Nam không có tinh thần tự lập, sáng tạo. Học thì rất giỏi nhưng trước nghịch cảnh lại không có tư duy sáng tạo, điều tiết công việc. Người Bỉ trong việc kiểm tra đã cố ý đưa ra những bài toán đầu đề có chỗ sai. Sinh viên Bỉ họ sửa cái sai đó, trong khi sinh viên ta thì vẫn giữ cái sai đó và dĩ nhiên là giải sai luôn. Đó chính là sự khác biệt.

1.7 Trả lại cho nhà trường chức năng "thể nhân" của nó

Để thoát ra khỏi khủng hoảng hiện nay đã đến độ báo động, ta nên trả lại cho nhà trường chức năng "thể nhân" của nó (ở đây tôi muốn dịch chữ "laïcité" của tiếng Pháp). Nhà trường chân chính không thể là chỗ đào tạo ra những tín đồ, những chức sắc, những người chỉ biết vâng vâng dạ dạ, lặp đi lặp lại ngày này qua tháng khác những công thức vô bổ!

Đổi mới tư duy còn cản trở về với bản sắc chân chính của dân tộc và những giá trị trường cửu của truyền thống phương Đông.

Đổi mới tư duy cần đề cao nhân cách, không chỉ dừng lại ở nhân cách của các nhà cách mạng, của các liệt sỹ, mà còn là nhân cách của các nhà văn hóa, nhà khoa học, nhà phát minh, nhà thám hiểm, nhà giáo, nhà nghệ sỹ, nhà doanh nghiệp, nhà hoạt động từ thiện..., tóm lại những người tài, người hiền về mọi mặt của dân tộc và của thế giới...

Tôi rất tâm đắc với ý kiến sau đây trong bản kiến nghị do GS Hoàng Tụy và các đồng nghiệp tóm lược và đề bạt:

*(Nhà trường) "Cần coi trọng rèn luyện các phẩm chất đạo đức cơ bản của con người hiện đại có cá tính nhưng bao dung, biết giao tiếp và hợp tác, biết làm việc có hiệu quả, có tư duy cởi mở với cái mới, thích dần thân, không ngại đương đầu với thách thức, khó khăn, sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm vì mục đích lớn, và nhất là **trung thực và có đầu óc sáng tạo**, là những đức tính tối cần thiết trong đời sống xã hội hiện đại. Đồng thời cần quan tâm đến giáo dục thẩm mỹ, giáo dục cảm xúc, đào tạo toàn diện con người có tâm hồn và thể chất khoẻ mạnh".*

1.8 Tổ chức giáo dục cần hướng tới tri thức quốc tế

Đổi mới tư duy cần hướng nền giáo dục và đào tạo Việt Nam đến những chân trời mới của tri thức thế giới đa cực ngày nay. Yếu tố quốc tế phải luôn luôn được coi trọng hàng đầu vì xu thế hòa nhập toàn cầu, cạnh tranh quyết liệt ở thương trường năm châu, không cho phép sự tồn tại của tư duy cục bộ, bản vị, xơ cứng.

Hướng tới tri thức thế giới trước hết là phải giỏi ngoại ngữ. Một nước trung bình như Việt Nam để nuôi dưỡng hiểu biết ngang tầm thế giới cần phải thông thạo mỗi người hai ngoại ngữ. Tôi muốn nhấn mạnh ở chữ thông thạo chứ hiểu biết sơ sài như trình độ các sinh viên tốt nghiệp đại học hiện nay tại Việt Nam thì chưa thấm vào đâu. Muốn vậy cần tổ chức dạy ngoại ngữ ngay ở cấp tiểu học. Việc tiếp thu ngoại ngữ ở cấp trung học sẽ chậm hơn, lên đến đại học thì đã quá trễ.

Hướng tới tri thức thế giới hiện nay ta đã có một phương tiện hữu hiệu vô song : Internet. Việc mở rộng sử dụng Internet, công nghệ thông tin là khâu quyết định cho việc cập nhập tri thức mới mẽ, hiện đại... Vấn đề ở đây là tổ chức việc mở rộng ở tầm mức quốc gia vì điều kiện kinh tế còn giới hạn của ta. Tôi lấy làm lạ là Bộ GD&ĐT đã làm rất ít cho việc này... Thí dụ các ĐH Việt Nam đang ở trong tình trạng vô cùng thiếu thốn tài liệu, sách, tạp chí khoa học cần thiết cho việc nghiên cứu. Lẽ ra Bộ GD&ĐT, theo chân các nước tiên tiến, đã từ lâu, thương lượng với các nhà xuất bản để sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam, thông qua mật khẩu, có thể vào các trang web của các nhà xuất bản tiếng tăm, tham khảo những tài liệu đã xuất bản. Các sinh viên của chúng tôi đưa sang châu Âu đều được hưởng miễn phí dịch vụ này. Và họ đã bảo với tôi : Ngồi tại Bỉ nghiên cứu một ngày bằng một tuần ở Việt Nam!

1.9 Yếu tố quốc tế cản trở thành tiêu chí căn bản trong việc đánh giá chất lượng các đại học, các thành viên, các giáo sư, các nghiên cứu sinh...

Thí dụ các đề mục "*có công trình công bố báo quốc tế*", "*có tham dự hội nghị quốc tế*", "*được mời đi thuyết trình ở các đại học quốc tế*" phải trở thành tiêu chí không thể không có của việc xác định chất lượng các giáo sư, của việc trao tặng chức danh giáo sư. Ở Bỉ một công trình công bố trong tạp chí quốc tế có ban biên tập quốc tế thẩm định được chấm ba điểm. Một công trình công bố trong tạp chí quốc nội chỉ được một điểm mà thôi. Cũng xin mở dấu ngoặc là chỉ những công trình công bố cách đây không quá 5 năm mới có giá trị! Thử hỏi các giáo trình đang được giảng dạy tại Việt Nam ở các ĐH đã viết ra được bao nhiêu năm rồi ?

Với đà tăng trưởng hiện nay, Bộ GD&ĐT hay Bộ Khoa học Môi trường dần dần cần có quỹ để tài trợ các nhà nghiên cứu có công trình công bố tại các Hội nghị quốc tế.

Đây là tiền đầu tư cho chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của các nhà khoa học. Đây cũng là tiền đầu tư cho vai trò khoa học của Việt Nam trên trường quốc tế. Là nhà khoa học tại Bỉ, tôi may mắn hoặc được mời, hoặc được chánh phủ Bỉ tài trợ, tạo điều kiện cho tôi tham dự

hiều lần (trung bình mỗi năm hai lần!) các hội nghị khoa học quốc tế. Điều tôi rất buồn là không thấy bóng dáng người Việt Nam đến từ Việt Nam ở những dịp này. Nếu có thì chỉ là những Việt kiều công tác tại các ĐH Âu, Mỹ, Nhật, Úc... Tình trạng này đã kéo dài trên ba thập kỷ rồi. Trong những năm 70 cũng rất hiếm có người Trung Quốc đến từ Trung Quốc. Nhưng tháng 9/2004 vừa qua, được mời đi thuyết trình tại Hội Nghị Toàn cầu lần thứ 6 về Cơ học tính toán, được Trung Quốc đăng cai tổ chức tại Bắc kinh, tôi đã là nhân chứng của sự đổi thay vượt bậc. Trong tổng số 1200 công bố khoa học, Trung Quốc đã chiếm gần 400 bài, Mỹ và Nhật gần 300 bài, Hàn quốc gần 50 bài... Còn Việt Nam ? Chỉ có 2 bài, một của một nghiên cứu sinh sắp trình tiến sỹ do tôi hướng dẫn và một của một đồng nghiệp tham gia chương trình đào tạo thạc sỹ MCMC của ĐH Liège, Bỉ, đặt tại ĐH Bách khoa Hà Nội!

Đánh giá chất lượng một luận án tiến sĩ (TS) cũng cần có yếu tố quốc tế. Tại châu Âu, hội đồng giám khảo một luận án TS hợp lệ phải có ít nhất một giáo sư quốc tế (đến từ một nước khác) và một giáo sư quốc nội đến từ một đại học khác. Nếu là luận án khoa học công nghệ thì bắt buộc phải có đại diện của doanh nghiệp có công nghệ liên đới. Ngoài ra, việc thu nhận giảng viên mới ở các ĐH cũng phải theo một tiêu chí đảm bảo được tính mới mẻ, tính quốc tế trong khâu nhân sự. Phải hơn 50% là người đã bảo vệ bằng TS từ các đại học khác với đại học sở tại. Tôi tự hỏi các đại học Việt Nam chừng nào mới so sánh được với các đại học quốc tế khi thói “cha truyền con nối” đang hiện hành khá phổ biến !

1. 10 Cần có kế hoạch trong việc đào tạo nhân tài bằng ngân sách nhà nước.

Việc đào tạo nhân tài, gọi người đi sửa soạn bằng thạc sỹ hay chuẩn bị luận án TS ở hải ngoại bằng ngân sách nhà nước cũng cần có kế hoạch chiến lược dài hạn. Theo chỗ tôi biết hiện nay các bộ chưa nghĩ tới, ngoài những con số nặng nề duy ý chí ở nơi này chỗ nọ! Không có kế hoạch và nhất là không tham khảo nghiên cứu nghiêm túc ban đầu, tôi e sẽ không đạt hiệu quả nếu không nói sẽ lại lãng phí thêm.

Thí dụ gửi sinh viên đi làm TS về các ngành kỹ thuật công nghệ ta nên định hướng, chọn nước, chọn trường cho phù hợp, cho xứng với vốn liếng bỏ ra nhất là từ công quỹ của một nước nghèo như nước ta. Chưa có liên lạc được thì nên nhờ các nhà khoa học Việt kiều giới thiệu. Ta phải học trực tiếp ở những nước, những trường có chất lượng nổi tiếng, có học thuật tiên tiến, và như vậy cho từng ngành từng môn. Thí dụ công nghệ thông tin nên đi Mỹ, công nghệ hàng không nên đi Pháp hay Mỹ, công nghệ điện tử nên đi Nhật, công nghệ đóng tàu nên đi Hàn quốc... Dĩ nhiên là còn phải chọn đúng trường, đúng thầy, đúng phòng thí nghiệm... Tránh việc tốn tiền, tốn công mà chỉ đến nước thứ hai, thứ ba, không học trực tiếp mà học lỏm, học những kỹ thuật quá đát, được hướng dẫn bởi những thầy loại B, đã cần cỗi, lỗi thời! Ngoài ra phải có phương pháp, cách tổ chức để hạn chế tối đa rủi ro, nạn chảy máu chất xám...

2. Lộ trình dài hạn và hướng giải quyết cấp bách

Việc cải tổ giáo dục tại Việt Nam đặc biệt giáo dục ĐH như ta thấy cần một lộ trình dài hạn. Vấn đề là phải ý thức ta ở đâu, ta phải làm gì để có chánh sách hữu hiệu. Nhưng phải nói công việc phải làm rất là bề bộn, cần thời gian nhất là cần quyết tâm cao độ.

Thí dụ áp dụng tiêu chí quốc tế tôi vừa đưa ra trong việc đánh giá chất lượng và chuẩn bị đội ngũ cán bộ giảng dạy tương lai không thể tính theo năm mà phải tính theo thập kỷ.

2.1 Chuyên tu và tại chức

Tuy nhiên tôi thấy cũng có những hướng có thể giải quyết ngay mà không tốn nhiều ngân sách lại có hiệu ứng tức thì.

Tôi xin mạnh dạn đề ra hai ý kiến cụ thể như sau.

Theo tôi, ta nên loại bỏ việc cấp bằng cho các khóa chuyên tu, tại chức. Tôi không bài bác ý kiến phải luôn luôn học tập. Tôi hoan nghênh việc mở những lớp bổ túc, những lớp học cộng đồng để

cho mọi công dân, ở bất cứ độ tuổi nào, ngay cả khi đã về hưu, cũng có thể tiếp tục học tập, trau dồi kiến thức để sống vui và giúp ích cho xã hội. Nhưng không nên cấp bằng tại chức, trên thực tế đã được dùng tương đương như chính quy, tuy giáo trình cũng như thời gian theo học không đủ chuẩn. Chính điều đó đã biến một số quan chức thành người đi mua bằng, biến một số giáo chức vô tình hay hữu ý thành người đi bán bằng. Tệ hại nhất là việc này đã gây hoang mang trong xã hội nhất là khiến cho con em chúng ta bị tác động theo hướng tiêu cực. Bởi học làm gì khi bỏ công sức phấn đấu dài hạn mà chắc gì có chỗ vươn lên. Các vị có bằng tại chức chiếm chỗ hết rồi! Đó là lời tôi nghe được từ các em sinh viên. Họ không có nhuê khí để học thực vì học dờm được vinh thân phì da!

Ta chỉ nên cấp chứng chỉ cho những khóa học tại chức chứ không cấp bằng. Nếu thực hiện được điều này thì sẽ có một đổi mới trong suy nghĩ chung của nhà giáo và người đi học. Và những người muốn có bằng dờm sẽ phải suy nghĩ lại và không chạy theo bằng cấp nữa. Như vậy ta sẽ có một sự thay đổi đáng kể mà không tốn kém gì cả.

2.2 Sát nhập các cơ cấu nghiên cứu và giáo dục đào tạo

Điều quan trọng khác là phải sát nhập các cơ cấu nghiên cứu và cơ cấu giáo dục đào tạo lại với nhau. Vì những trung tâm nghiên cứu không tham gia đào tạo, hoặc có tham gia thì cũng rất ít, trong khi đó, các giáo sư trong trường đại học lại phải giảng dạy quá nhiều không có thời gian nghiên cứu. Giảng dạy mà không nghiên cứu thì bài giảng sẽ quá đát, trong vòng 5 năm, 10 năm sẽ không còn giá trị nữa. Còn nếu nghiên cứu mà không tham gia đào tạo thì sẽ thật là lãng phí. Vì thế, trừ những viện nghiên cứu chiến lược quốc gia, ta cần sát nhập các cơ sở nghiên cứu và giáo dục tương đồng lại với nhau. Làm như thế ta sẽ tạo điều kiện cho những người làm việc trong những trung tâm nghiên cứu tham gia vào việc giảng dạy, cho phép các nhà giáo ngày đêm đứng lớp có thời gian nghiên cứu. Ở Bỉ và nhiều nước trên thế giới, theo luật giáo dục, thì một giảng viên phải có 50% thời gian dành cho việc nghiên cứu, mỗi năm phải công bố trên báo chí quốc tế những công trình nghiên cứu. Đây là cơ sở cho việc đánh giá chất lượng nghiên cứu và giảng dạy. Việc này thực hiện không dễ vì quyền lợi bị động chạm. Nên chăng tách Bộ Đại học ra khỏi Bộ Giáo dục Đào tạo, và sát nhập Bộ Đại học vào Bộ Khoa học Môi trường, để Bộ Giáo dục Đào tạo chỉ lo đào tạo trung và sơ cấp.

Ngoài ra luật giáo dục ở Bỉ cấm các giáo sư không được dạy thêm, làm thêm ở ngoài quá một ngày trong tuần. Không tuân thủ thì phải thôi việc. Dĩ nhiên, họ trả lương đầy đủ để giới hạn tối đa những vi phạm.

2.3 Chỉ nên có hai hệ thống trường công lập và trường tư thục.

Tôi tâm đắc với ý kiến, và đây cũng là ý kiến của phần lớn các nhà giáo tâm huyết là, ta phải song song phát triển giáo dục đào tạo tinh hoa và giáo dục đại trà. Nhà nước cần đầu tư cho các trường trọng điểm, nâng cao trình độ giáo chức, thường xuyên rà soát và kiểm tra chất lượng để các trường này có điều kiện đóng vai trò chủ lực trong GD&ĐT, đào tạo những tinh hoa cho đất nước. Ở đây cần cứng đầu vào cùng một lúc chặt chẽ đầu ra, cần duy trì và nâng cao tính bao cấp về ngân sách (Nhưng không bao cấp về quản lý!)

Bên cạnh đó ta cũng phải tổ chức một hệ thống giáo dục đại trà để đáp ứng nhu cầu học tập của quần chúng nhân dân. Ta phải mở rộng đầu vào, mạnh dạn cho phép hình thành hệ thống trường tư. Ở đây cần có sự rõ ràng, minh bạch. Chỉ nên có hai hệ thống: trường công lập và trường tư thục. Công là công mà tư là tư, không nên nhập nhằng như hiện nay.

3. Giáo dục và đào tạo trong cơ chế thị trường

3.1. Vai kinh nghiệm về giáo dục trong cơ chế thị trường

Việt Nam đang có nhiều tranh cãi về giáo dục và thị trường. Giáo dục phải chăng là hàng hoá?

Theo thiên ý của tôi giáo dục là một dịch vụ, một thứ dịch vụ bao trùm liên quan đến toàn xã hội. Chính vì vậy mà nước nào trên thế giới cũng coi giáo dục xương sống của phát triển, cũng có quốc sách cho thứ dịch vụ đặc biệt này.

Bởi vậy coi giáo dục như là một món hàng thuần túy là quan điểm, tôi xin lỗi phải dùng một từ hơi cũ, hữu khuynh. Quan điểm này thường gán gũ các nhà kinh tế và có nhiều ủng hộ tại các nước của khối Anh-Mỹ-Úc...

Tôi xin lưu ý bạn đọc vài điểm sau đây :

Tại Hoa Kỳ, Canada các nước có nhiều trường ĐH tư phát triển sớm và có lẽ qui mô nhất thế giới, tuy có đến 50% ĐH tư nhưng chỉ chiếm lĩnh 20% sinh viên toàn nước. Các sinh viên còn lại phải theo học trường công của các tiểu bang hay liên bang. Ở nước thị trường là vua như nước Mỹ, có nền kinh tế nhất thế giới, có các đại gia tài phiệt thông lĩnh toàn cầu, mà dịch vụ này chỉ cung ứng có thể thôi thì hàng hoá này quả là đặc biệt!

Tại Bỉ, địa bàn tôi biết rõ, có bốn trường ĐH đa ngành có tầm cỡ : Bruxelles, Gent, Liège và Louvain. Sau này thành 6 vì Bruxelles và Louvain bị xẻ làm đôi, một cho tiếng Hà Lan và một cho tiếng Pháp. Liège và Gent là hai trường công lập. Hai trường khác, nguyên thủy là dân lập có ý thức hệ dị biệt như Louvain (phái giáo hội thiên chúa), Bruxelles (phái tự do, xã hội) sau một thời gian phát triển, vì yêu cầu của tình thế, nhất sau khi biến thành các trường ĐH đa ngành, để có thể sống còn, đã dần dần trở thành gần trường công lập. Nhà nước tôn trọng chế độ tự quản, nhưng nhà nước bao cấp gần như tuyệt đối ngân sách. Năm ngoái 2003, ĐH Louvain-la-Neuve (phần nói tiếng Pháp của ĐH Louvain) có 21 ngàn sinh viên, có ngân sách là gần 400 triệu đô la (GDP của Việt Nam là khoảng 40 tỷ đô la!) và nhà nước phải rót về 75% ngân sách. Học phí thu từ sinh viên chỉ vồn vẹn có 4% ngân sách và phần còn lại là hợp đồng dịch vụ, dự án nghiên cứu công nghệ... ĐH Liège của chúng tôi có 14 ngàn sinh viên, nhà nước cũng rót về một ngân sách tương tự, tỷ lệ thuận theo số sinh viên ghi tên!

Tại toàn châu Âu (Pháp, Đức, Ý...) trường công lập là chính, các trường tư thực gần như không đáng kể.

Ta thấy như thế, tại những nước có trình độ phát triển cao nhất thế giới, có nền kinh tế thị trường liên tục từ ngày lập nước tới ngày nay, mà GD&ĐT gần như toàn bộ nhà nước phải bao biện ngân sách. Tại sao thế ? Tại vì chỉ có nhà nước mới có thẩm quyền, uy tín, tài lực đảm đương tính công bình dân chủ của quốc sách giáo dục : Bình đẳng trong cơ may, ai cũng có thể đi học, đạt trình độ nếu có năng khiếu.

Không có nhà nước, không có quyết tâm của toàn dân, thì không thể có nền học vấn có đủ chất lượng để duy trì vị trí hàng đầu của các nước này trên thế giới.

Bởi vậy ta không nên quá lo ngại cho việc có mặt của các trường tư thực ngay cả có yếu tố 100% nước ngoài.

Vấn đề đặt ra là phải có luật lệ hăn hoi minh bạch để có phương tiện can thiệp kịp thời, tránh những chệch hướng có thể xảy ra. Theo tôi, việc quan trọng cần tránh nhất chính là đừng để cho giáo dục trở thành hàng hóa thuần túy.

Những tiêu cực hiện hữu đã xảy ra tại Việt Nam tại các trường dân lập (chất lượng kém, lợi nhuận cao nhưng sử dụng không đúng chỗ, mất đoàn kết vì chia chác...) một phần vì ta không đề phòng trước, kịp thời xây dựng một khung pháp lý cần thiết. Mặt khác vì ta cho phép một cách nhỏ giọt việc ra đời của các trường dân lập, vô tình hay hữu ý, duy trì cơ chế độc quyền, làm mất cân bằng giữa cung và cầu.

3.2 Hướng giải quyết khả thi

Việt Nam nên bổ sung bộ luật doanh nghiệp, cho phép ra đời những tổ chức dân lập, tổ chức xã hội không có mục đích làm tiền (sans but lucratif). Các hội ái hữu, các hội hữu nghị, hội cựu sinh viên học sinh các trường, hội khuyến học... là những tổ chức thuộc loại này. Các ĐH tư thực sẽ cũng thuộc loại này. Chú ý là không có mục đích làm tiền không có nghĩa là bất vụ lợi. Các ĐH tư thực có phúc lợi nhưng không được dư tiền, chia lãi. Mỗi năm ngân sách chi thu phải cân bằng. Các doanh nghiệp tham gia GD&ĐT sẽ được miễn thuế, sẽ có mặt trong Hội đồng quản trị, sẽ có ảnh hưởng trong việc mở mang ngành nghề, trong nội dung chuyên ngành và ưu tiên có được cộng tác viên mình cần, được đào tạo như mình muốn, hữu hiệu cho việc điều hành và phát triển doanh nghiệp. Phần lãi của trường phải được đầu tư cho việc nâng cao chất lượng đào tạo (tăng lương nhà giáo trong khuôn khổ tối đa cho phép, mua sắm thiết bị, mở mang phòng ốc...), tăng cường qui mô, phát triển ngành nghề...

Bộ GD&ĐT nên hoàn tất luật trường tư theo định hướng trên, nhưng thông qua việc quản lý để nhiều ĐH khác sớm ra đời. Yếu tố cạnh tranh tích cực, lành mạnh sẽ sớm có hiệu ứng theo hướng có lợi cho người dân. Các ĐH tư phải có một lộ trình hẳn hoi là sau một thời gian thoả đáng (10 năm?) phải trở thành đa ngành, thích ứng với yêu cầu công nghệ hóa hiện đại hóa nước, các ngành khoa học cơ bản, các ngành công nghệ hiện đại... Theo lộ trình này thì những ĐH tư không nghiêm túc sẽ bị thị trường đào thải thôi.

4. Để thực hiện cải cách phải có người mới

Tôi cho điều này là một hiển nhiên. Cần có chuyên gia quốc tế, có Việt kiều tham gia những bước đi của con đường cải tổ từ giai đoạn hiện kể đến khâu thực hiện kiểm tra thì thời gian mới được rút ngắn, kết quả mới mỹ mãn... Việc này đòi hỏi một quyết định chính trị có tính đột phá.

5. Lời kết

Sau cùng tôi xin minh định rõ là tôi không phải là chuyên gia nghiên cứu các hệ thống giáo dục, tôi không phải là nhà kinh tế. Tôi chỉ là một kỹ sư, một nhà giáo, một nhà nghiên cứu trong một lĩnh vực công nghệ mũi nhọn khá chật hẹp. Tôi chỉ nhắc đến ở đây, những cảm nhận của tôi sau gần 40 năm là nhà giáo, nhà nghiên cứu khoa học, được tiếp cận với các trung tâm nghiên cứu, các trường ĐH lớn ở Âu, Mỹ, Mỹ La tinh, Canada, Nhật, Úc, Phi châu, Trung Quốc... Tôi cũng đã tham gia, đi thỉnh giảng thường xuyên tại Việt Nam từ năm 1977 cho tới ngày nay, trừ 10 năm đứt đoạn (79-89). Những điều tôi ghi ở đây, ngoài những kinh nghiệm riêng, những cảm nhận cá nhân, những hướng đi hợp lý, phần lớn là những ý kiến đã có người đã nhắc đến, trong ấy có một số đồng nghiệp bạn bè mà tôi được dịp gần gũi và trao đổi.

Mong thay việc cải tổ GD&ĐT tại Việt nam sớm thành hiện thực.

**Bổ sung và sửa đổi tại Liège ngày 8/4/2005
GS Nguyễn Đăng Hưng**